



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG



ĐẠI HỌC CẦN THƠ



ĐẠI HỌC HUẾ

PGS.TS. Nguyễn Văn Hòa



KỶ YẾU

**HỘI THẢO KHOA HỌC TOÀN QUỐC NĂM 2026
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT
VÀ THỂ DỤC THỂ THAO TRONG THỜI ĐẠI MỚI
THỰC TIỄN VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ
2026

80. NGHIÊN CỨU LỰA CHỌN MỘT SỐ BÀI TẬP NÂNG CAO THÀNH TÍCH CHẠY 5KM CHO NAM SINH VIÊN CÂU LẠC BỘ CHẠY BỘ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ 511
TS. Đoàn Thu Ánh Điểm, ThS. Nguyễn Lê Trường Sơn
81. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THỂ LỰC CỦA NAM VẬN ĐỘNG VIÊN BƠI LỘI LỨA TUỔI 9-10 TỈNH TÂY NINH 515
Võ Minh Khang, PGS.TS. Trần Thị Kim Hương
82. NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ BÀI TẬP NÂNG CAO THÀNH TÍCH CHẠY 5KM CHO NAM SINH VIÊN CÂU LẠC BỘ CHẠY BỘ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ 519
TS. Đoàn Thu Ánh Điểm, ThS. Nguyễn Lê Trường Sơn, ThS. Trần Xuân Quang
83. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KỸ NĂNG GIAO TIẾP TIẾNG ANH CHO VẬN ĐỘNG VIÊN BƠI LỘI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP 2025 523
Trần Tấn Thành, Phạm Thị Cẩm Tú
84. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CÂU LẠC BỘ BÓNG ĐÁ NAM SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 529
ThS. Trần Văn Dũng
85. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TẠI VIỆT NAM 534
*ThS. Nguyễn Văn Lợi, TS. Nguyễn Thế Tình
TS. Hoàng Hải, ThS. Nguyễn Hồng Thảo My*
86. XÂY DỰNG VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ MÔ HÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT THEO HƯỚNG ĐẶC THÙ NGHỀ CƠ KHÍ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – HÀN QUỐC 540
ThS. Lang Thanh Thương
87. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÕ THUẬT THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG AN NINH NHÂN DÂN I, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP 547
Thiếu tá, ThS. Nguyễn Đình Khánh
88. HUẤN LUYỆN VÕ THUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC TIỄN CÔNG TÁC CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN HIỆN NAY 553
Trung tá, ThS. Nguyễn Mạnh Hải
89. ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG CÔNG TÁC HÀNH CHÍNH Ở CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO 559
ThS. Dương Anh Tuấn, TS. Lê Cát Nguyên, ThS. Nguyễn Lê Nghĩa
90. SỨC KHỎE TINH THẦN TRONG GIÁO DỤC THỂ CHẤT THỜI ĐẠI MỚI: TIẾP CẬN THEO KHUNG KHÁI NIỆM (CONCEPTUAL FRAMEWORK) 567
TS. Lê Quang Dũng, TS. Hoàng Hải, TS. Lê Cát Nguyên

SỨC KHỎE TINH THẦN TRONG GIÁO DỤC THỂ CHẤT THỜI ĐẠI MỚI: TIẾP CẬN THEO KHUNG KHÁI NIỆM (CONCEPTUAL FRAMEWORK)

TS. Lê Quang Dũng, TS. Hoàng Hải, TS. Lê Cát Nguyên

Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

TÓM TẮT

Bài viết tiếp cận sức khỏe tinh thần trong giáo dục thể chất (GDTC) theo hướng phân tích khái niệm nhằm tái định vị nhận thức học thuật về vai trò của GDTC trong bối cảnh giáo dục hiện đại. Trên cơ sở tổng hợp các tiếp cận quốc tế như wellbeing, physical literacy và tâm lý học vận động, bài viết đề xuất một khung tiếp cận ba tầng làm cơ sở lý luận cho các chiến lược thực hành và nghiên cứu liên ngành. Việc xây dựng khung khái niệm này không chỉ giúp hoàn thiện lý luận mà còn khẳng định GDTC là một hình thức giáo dục tinh thần thông qua vận động.

Từ khóa: *Giáo dục thể chất, Sức khỏe tinh thần, Khung khái niệm, Physical Literacy, Wellbeing, Chương trình GDPT 2018.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, sức khỏe tinh thần ngày càng trở thành trọng tâm phát triển con người. Tuy nhiên, GDTC truyền thống vẫn chủ yếu được nhìn nhận dưới góc độ rèn luyện thể lực và kỹ thuật vận động. Việc nhấn mạnh yếu tố tinh thần trong GDTC không làm thay đổi bản chất nghề nghiệp, mà là tái nhận diện đúng vai trò vốn có của vận động trong giáo dục toàn diện. Thực chất, GDTC có thể được xem như một hình thức giáo dục tinh thần thông qua vận động, nơi cơ thể là phương tiện và sự trưởng thành về tâm trí, cảm xúc là mục tiêu hướng đến.

Các nghiên cứu quốc tế đã khẳng định mối liên hệ giữa hoạt động thể chất và sức khỏe tinh thần, song phần lớn tiếp cận theo hai hướng tách biệt: đo lường tác động của vận động đến các chỉ số tâm lý như trầm cảm, lo âu, wellbeing; hoặc phân tích động lực và năng lực vận động dựa trên Self-Determination Theory và Physical Literacy. Sự kết nối giữa các nền tảng này trong một khung khái niệm tích hợp dành riêng cho GDTC vẫn còn hạn chế.

Trong truyền thống giáo dục phương Đông, đặc biệt là võ đạo, vận động từ lâu đã gắn với tu dưỡng tinh thần, tự chủ và hoàn thiện nhân cách. Tuy nhiên, các giá trị thân-tâm này chưa được hệ thống hóa trong lý luận GDTC hiện đại ở Việt Nam, nơi nghiên cứu vẫn thiên về đánh giá thể lực và chuẩn đầu ra. Vì vậy, cần xây dựng một mô hình lý luận tích hợp làm rõ tiến trình từ trải nghiệm vận động, chuyên hóa tâm lý nội tại đến hình thành năng lực vận động suốt đời, qua đó lý giải cơ chế tác động của GDTC đối với sức khỏe tinh thần một cách hệ thống.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích khái niệm (conceptual analysis) kết hợp với tổng quan lý luận tích hợp (integrative theoretical review) nhằm xây dựng khung khái niệm về sức khỏe tinh thần trong GDTC. Phân tích khái niệm được vận

dụng để làm rõ nội hàm và mối quan hệ giữa các khái niệm trung tâm gồm: sức khỏe tinh thần (mental health/wellbeing), động lực nội tại (intrinsic motivation), năng lực vận động (physical literacy) và khả năng tự điều chỉnh (self-regulation), đồng thời đối chiếu với tiếp cận giáo dục thân–tâm trong truyền thống võ đạo phương Đông. Tổng quan lý luận tích hợp được thực hiện trên cơ sở lựa chọn các tài liệu học thuật có ảnh hưởng cao trong GDTC, tâm lý học vận động và khoa học sức khỏe, bao gồm các công bố của UNESCO, WHO, cùng các nền tảng lý thuyết như Self-Determination Theory và Physical Literacy, dựa trên tiêu chí về tính nền tảng, mức độ ảnh hưởng và tính liên quan. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tiến hành suy luận tổng hợp lý thuyết (theoretical synthesis) để cấu trúc hóa tiến trình từ trải nghiệm vận động đến chuyển hóa tâm lý và hình thành năng lực vận động suốt đời trong một khung ba tầng. Khung đề xuất được tham vấn học thuật với nhóm giảng viên và chuyên gia GDTC nhằm kiểm tra tính hợp lý và khả năng vận dụng thực tiễn, song không phải nghiên cứu định lượng hay định tính chính thức.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Cơ sở lý luận và phân tích chuyên sâu

Mối quan hệ giữa giáo dục thể chất (GDTC) và sức khỏe tinh thần không chỉ dừng lại ở việc giải tỏa căng thẳng nhất thời, mà là một quá trình tương tác phức tạp giữa sinh lý vận động và tâm lý học hành vi. Cơ sở lý luận của khung khái niệm này được xây dựng dựa trên ba trụ cột chính:

3.1.1 Thuyết tự quyết (Self-Determination Theory - SDT) và Động lực nội tại

Thuyết tự quyết của Deci và Ryan (2000) khẳng định rằng con người có ba nhu cầu tâm lý cơ bản: sự tự chủ (autonomy), năng lực (competence) và sự kết nối (relatedness).

- Phân tích sâu: Trong GDTC, khi người học được trao quyền lựa chọn hình thức vận động (tự chủ) và cảm nhận được sự tiến bộ của bản thân (năng lực), họ sẽ chuyển từ trạng thái tập luyện vì áp lực điểm số sang tập luyện vì niềm vui tự thân (động lực nội tại).

- Minh chứng: Một sinh viên ban đầu sợ môn chạy bền vì áp lực thành tích, nhưng khi giảng viên thay đổi cách tiếp cận, tập trung vào việc tự quản lý nhịp thở và cảm nhận sự bền bỉ của ý chí, sinh viên đó bắt đầu tìm thấy sự thư thái trong chính sai chạy của mình. Đó chính là sự chuyển hóa từ áp lực bên ngoài thành sức mạnh tinh thần bên trong.

3.1.2 Năng lực vận động (Physical Literacy) và Mối quan hệ suốt đời

Theo Whitehead (2010), *Physical Literacy* không chỉ là kỹ năng vận động mà còn là sự tự tin và kiến thức để duy trì vận động suốt đời.

- Phân tích sâu: Đây là "chiếc chìa khóa" để giải quyết bài toán sức khỏe tinh thần bền vững. Nếu GDTC chỉ dạy kỹ thuật (ví dụ: cách đập bóng chuyên), người học có thể bỏ tập sau khi kết thúc môn học. Nhưng nếu GDTC xây dựng được *Physical Literacy*, người học sẽ coi vận động là một phần của bản sắc cá nhân và là công cụ để duy trì trạng thái cân bằng tâm lý (*wellbeing*) trong tương lai.

- Minh chứng: Một người có *Physical Literacy* cao sẽ biết cách tìm đến thể thao khi gặp áp lực công việc, vì họ hiểu và tin vào khả năng "chữa lành" của vận động đối với tâm trí mình.

3.1.3 Tâm lý học vận động và Khả năng tự điều chỉnh (Self-regulation)

Vận động là môi trường giả lập hoàn hảo để rèn luyện khả năng kiểm soát cảm xúc.

- Phân tích sâu: Các tình huống trong thể thao (thắng - thua, va chạm, áp lực thời gian) buộc hệ thần kinh phải thực hiện quá trình tự điều chỉnh liên tục. Việc vượt qua một thử thách thể chất khó khăn giúp não bộ thiết lập các phản xạ tích cực trước những khó khăn trong đời sống thực.

- Minh chứng: Trong một trận thi đấu đối kháng, việc người học biết kiềm chế sự nóng nảy khi bị phạm lỗi và tập trung trở lại vào chiến thuật chính là bài thực hành thực tế về quản trị cảm xúc – một yếu tố then chốt của sức khỏe tinh thần

3.1.4 Võ đạo như một minh chứng giáo dục tinh thần thông qua vận động

Bên cạnh các tiếp cận tâm lý học hiện đại, truyền thống võ đạo phương Đông cung cấp một minh chứng thực hành cho quan điểm giáo dục tinh thần thông qua vận động. Trong các hệ thống như Judo, Karate và Vovinam, việc rèn luyện không chỉ hướng tới kỹ thuật đối kháng mà còn nhấn mạnh kỷ luật, tự chủ và kiểm soát cảm xúc.

Dưới góc nhìn tâm lý học, quá trình tập luyện võ đạo chính là môi trường thực hành tự điều chỉnh (self-regulation) ở mức độ cao, nơi người học học cách quản trị áp lực, kiềm chế phản ứng và duy trì tập trung. Đồng thời, cấu trúc cấp bậc và nghi thức tập luyện góp phần củng cố cảm nhận về năng lực (competence), sự tự chủ (autonomy) và kết nối (relatedness), tương thích với khung lý thuyết Self-Determination Theory.

Vì vậy, võ đạo có thể được xem như một hình thái giáo dục thân-tâm đã tồn tại trong lịch sử, góp phần củng cố luận điểm rằng GDTC không chỉ là huấn luyện thể lực mà là quá trình chuyển hóa nội tại thông qua vận động.

3.2 KHUNG KHÁI NIỆM ĐỀ XUẤT VÀ MINH CHỨNG THỰC TIỄN

Khung khái niệm được thiết kế theo cấu trúc ba tầng lũy tiến, trong đó mỗi tầng phản ánh một mức độ chuyển hóa sâu dần từ trải nghiệm cảm xúc ban đầu đến hình thành năng lực vận động suốt đời. Tầng dưới đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển của tầng trên, hướng tới mục tiêu cuối cùng là sự trưởng thành toàn diện của người học.

3.2.1 Mô hình khung tiếp cận ba tầng

Tầng 1: Trải nghiệm vận động tích cực (Nền tảng cảm xúc)

- **Nội dung:** Tầng này tập trung vào việc kiến tạo môi trường học tập an toàn về tâm lý, khích lệ sự tham gia và giảm thiểu cảm giác sợ hãi, mặc cảm hoặc áp lực thành tích. Trải nghiệm tích cực ban đầu đóng vai trò kích hoạt động lực nội tại và mở đường cho quá trình chuyển hóa sâu hơn ở các tầng tiếp theo.

- **Minh chứng:** Trong một tiết học Bóng đá, thay vì áp dụng các bài tập kỹ thuật đơn điệu, giảng viên tổ chức các trò chơi vận động nhóm (small-sided games) để tăng

tần suất tham gia và tương tác. Tương tự, trong các môn võ đạo, nghi thức chào hỏi và kỷ luật lớp học tạo ra không gian tôn trọng và an toàn, giúp người học tự tin bước vào quá trình rèn luyện. Những yếu tố này góp phần hình thành nền tảng cảm xúc tích cực đối với vận động.

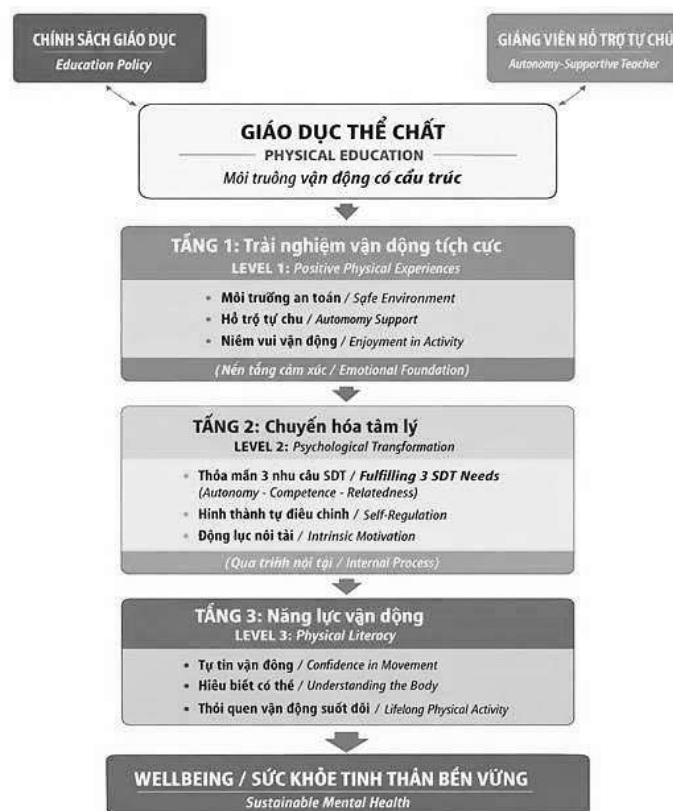
Tầng 2: Chuyển hóa tâm lý (Quá trình nội tại)

- **Nội dung:** Đây là tầng trung tâm của khung khái niệm, nơi vận động trở thành công cụ rèn luyện khả năng tự điều chỉnh, kiểm soát cảm xúc và củng cố lòng tự trọng. Thông qua việc đối diện với thử thách thể chất, người học phát triển năng lực quản trị áp lực và hình thành động lực nội tại bền vững.

- **Minh chứng:** Ở môn Cầu lông, khi sinh viên gặp khó khăn trong việc thực hiện kỹ thuật khó, giảng viên không chỉ sửa động tác mà còn hỗ trợ sinh viên nhận diện và điều chỉnh cảm xúc thất vọng. Trong môi trường đối kháng như võ đạo, việc giữ bình tĩnh và tuân thủ kỷ luật trong thi đấu là một biểu hiện điển hình của quá trình tự điều chỉnh. Khi vượt qua được giới hạn của bản thân, người học không chỉ đạt tiến bộ kỹ thuật mà còn củng cố niềm tin vào khả năng tự kiểm soát và kiên trì của mình.

Tầng 3: Physical Literacy – Năng lực vận động suốt đời (Đích đến Wellbeing)

- **Nội dung:** Tầng cao nhất hướng tới việc hình thành bản sắc vận động (movement identity), trong đó người học coi vận động là một phần của lối sống và là phương tiện duy trì cân bằng tâm lý lâu dài. Physical Literacy ở đây không chỉ là năng lực kỹ thuật, mà là sự tích hợp giữa hiểu biết, tự tin và cam kết duy trì vận động suốt đời.



Hình 1: Khung khái niệm 3 tầng về tác động của GDTC đối với sức khỏe tinh thần

- **Minh chứng:** Sau khi hoàn thành học phần GDTC, người học không chỉ nắm được kỹ năng của một môn thể thao cụ thể, mà còn biết lựa chọn hình thức vận động phù hợp khi đối diện với căng thẳng trong cuộc sống. Nhiều người duy trì việc tập luyện (bao gồm cả các môn võ đạo) như một thực hành thân-tâm thường xuyên, qua đó thể hiện sự hưng thịnh wellbeing) bền vững được nuôi dưỡng từ thói quen vận động lâu dài.

3.2.2 Kết quả tham chiếu và thẩm định chuyên gia

Mô hình khái niệm ba tầng này đã được đưa ra thảo luận trong nhóm các giảng viên và chuyên gia lâu năm tại Đại học Huế.

- Sự đồng thuận: Các chuyên gia nhận định rằng khung khái niệm này đã hệ thống hóa được những giá trị cốt lõi mà bấy lâu nay giáo viên thường làm theo cảm tính nhưng chưa được gọi tên về mặt khoa học.

- Tính khả thi: Ý tưởng chuyển đổi vai trò từ "người dạy kỹ năng" sang "người đồng hành phát triển tinh thần" được đánh giá là hướng đi đúng đắn, giúp nâng tầm vị thế của giảng viên GDTC trong hệ thống giáo dục đại học.

3.3 Thảo luận về sự tương thích giữa Khung khái niệm đề xuất với chương trình GDPT 2018 và đổi mới giáo dục

Việc đề xuất khung khái niệm mới không nhằm mục đích phủ nhận các giá trị truyền thống, mà là một sự cụ thể hóa về mặt học thuật cho những định hướng đổi mới mà ngành giáo dục Việt Nam đang theo đuổi.

3.3.1 Đối chiếu giữa Khung khái niệm đề xuất và Định hướng đổi mới của Bộ GD&ĐT

Để làm rõ tính thực tiễn, bảng dưới đây phân tích sự tương đồng giữa các luận điểm của bài báo và tinh thần của Chương trình GDPT 2018:

Tiêu chí	Khung khái niệm đề xuất	Định hướng Chương trình GDPT 2018
Mục tiêu cốt lõi	Phát triển con người toàn diện, nhấn mạnh sức khỏe tinh thần và wellbeing.	Hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất người học (Yêu nước, Nhân ái, Chăm chỉ, Trung thực, Trách nhiệm).
Bản chất môn học	Hình thức giáo dục tinh thần thông qua vận động.	Môn học công cụ giúp học sinh phát triển thể chất và rèn luyện các phẩm chất ý chí.
Khái niệm then chốt	Physical Literacy (Năng lực vận động suốt đời).	Chú trọng hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.
Vai trò người thầy	Đồng hành cùng sự phát triển tinh thần, quản trị cảm xúc và động lực.	Người tổ chức, hướng dẫn hoạt động để học sinh tự kiến tạo năng lực.
Cách tiếp cận	Liên ngành: Khoa học vận động + Tâm lý học vận động.	Tích hợp trong các hoạt động trải nghiệm và rèn luyện kỹ năng sống.

3.3.2 Phân tích sự tương thích chiến lược

Khung khái niệm này là sự cụ thể hóa học thuật cho các định hướng còn khái quát của Bộ, làm rõ cơ chế phát triển năng lực và phẩm chất trong GDTC hiện đại:

- Sự trưởng thành về nhận thức: Chương trình 2018 chuyển từ dạy nội dung sang phát triển năng lực; khung ba tầng (Trải nghiệm – Chuyển hóa – Physical Literacy) cung cấp lộ trình khoa học giải thích quá trình hình thành năng lực thông qua vận động.

- Giải bài toán “Phẩm chất”: Các phẩm chất như trung thực, trách nhiệm được hình thành qua quá trình tự điều chỉnh và chuyển hóa tâm lý ở Tầng 2; điều này tương đồng với tinh thần kỷ luật, lễ nghĩa và tự chủ của giáo dục thân–tâm trong võ đạo.

- Cơ chế vận hành: Khung khái niệm làm rõ cách vận động trở thành công cụ giáo dục nhằm đạt các mục tiêu phát triển con người mà ngành giáo dục hướng tới.

- Tái định vị vai trò giảng viên: Giảng viên không chỉ truyền dạy kỹ năng và thể lực mà trở thành người tổ chức, đồng hành trong quá trình phát triển tinh thần của người học.

3.4 Hàm ý chiến lược và định hướng nghiên cứu

Trên cơ sở khung khái niệm đề xuất, bài viết đưa ra các hàm ý cho thực hành và nghiên cứu GDTC nhằm hoàn thiện nhận thức và chuyển hóa thành chiến lược cụ thể. Thứ nhất, cần triển khai nghiên cứu thực nghiệm để kiểm chứng tác động của mô hình GDTC định hướng sức khỏe tinh thần đối với động lực vận động và wellbeing của người học. Thứ hai, cần phát triển chương trình đào tạo giảng viên theo hướng tích hợp tâm lý học vận động và khoa học hành vi để nâng cao năng lực giáo dục tinh thần thông qua vận động. Thứ ba, cần thiết kế công cụ đánh giá mới, chuyển từ đo lường thể lực sang phản ánh động lực nội tại, sự tự tin và năng lực vận động suốt đời (physical literacy). Thứ tư, cần thúc đẩy nghiên cứu liên ngành giữa khoa học vận động, tâm lý học giáo dục và khoa học sức khỏe nhằm xây dựng mô hình GDTC toàn diện.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn có những giới hạn nhất định. Đây là nghiên cứu phân tích khái niệm và tích hợp lý luận, chưa được kiểm chứng bằng dữ liệu thực nghiệm trong bối cảnh Việt Nam. Việc lựa chọn tài liệu mang tính chọn lọc và có thể chưa bao quát hết các tiếp cận quốc tế. Quá trình tham vấn chuyên gia chưa thực hiện theo quy trình Delphi hay phương pháp định tính hệ thống, nên mức độ khái quát hóa còn hạn chế. Khung khái niệm mới dừng ở mô tả cơ chế cấu trúc; việc phát triển công cụ đo lường cụ thể vẫn là hướng nghiên cứu cần tiếp tục triển khai.

4. KẾT LUẬN

Việc xây dựng và đề xuất khung khái niệm ba tầng — từ trải nghiệm vận động tích cực, chuyển hóa tâm lý đến năng lực vận động suốt đời — là một nỗ lực nhằm hoàn thiện nhận thức học thuật về giáo dục thể chất trong thời đại mới. Bài viết khẳng định rằng GDTC không chỉ là việc rèn luyện cơ bắp hay kỹ thuật, mà là một hành trình giáo dục tinh thần đầy ý nghĩa thông qua phương tiện vận động, tương đồng với tinh thần giáo dục thân–tâm đã từng được thể hiện trong truyền thống võ đạo phương Đông. Sự tương thích giữa khung khái niệm này với tinh thần của Chương trình GDPT 2018 cho thấy đây là một hướng đi tất yếu, giúp hiện thực hóa sứ mệnh giáo dục con người toàn diện. Kết quả nghiên cứu này đóng vai trò như một lời mời gọi cộng đồng những người làm công tác GDTC cùng nhìn lại và nhận diện đúng giá trị cốt lõi của

nghề nghiệp, từ đó tự tin chuyển đổi vai trò để đồng hành cùng sự phát triển tinh thần và hạnh phúc bền vững của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể và môn Giáo dục thể chất*. NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Cairney, J., Dudley, D., Kwan, M., Bulten, R., & Kriellaars, D. (2019). Physical literacy, physical activity and health: Toward an evidence-informed conceptual model. *Sports Medicine*, 49(3), 371–383. <https://doi.org/10.1007/s40279-019-01063-3>
3. Cheon, S. H., Reeve, J., & Ntoumanis, N. (2012). A needs-supportive intervention to help physical education teachers enhance students' motivation. *Journal of Sport and Exercise Psychology*, 34(3), 365–396. <https://doi.org/10.1123/jsep.34.3.365>
4. Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2000). The “what” and “why” of goal pursuits: Human needs and the self-determination of behavior. *American Psychologist*, 55(1), 68–78. <https://doi.org/10.1037/0003-066X.55.1.68>
5. Lubans, D. R., Richards, J., Hillman, C. H., et al. (2016). Physical activity for cognitive and mental health in youth: A systematic review of mechanisms. *Preventive Medicine*, 76, 105–113. <https://doi.org/10.1016/j.ypmed.2015.11.018>
6. Kano, J. (1986). *Kodokan judo*. Tokyo, Japan: Kodansha International.
7. Vertonghen, J., & Theeboom, M. (2010). The social-psychological outcomes of martial arts practice among youth: A review. *Journal of Sports Science & Medicine*, 9, 528–537.

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC TOÀN QUỐC NĂM 2026
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT
VÀ THỂ DỤC THỂ THAO TRONG THỜI ĐẠI MỚI
THỰC TIỄN VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

PGS.TS. NGUYỄN VĂN HÒA

Đối tác liên kết xuất bản
ĐẠI HỌC CẦN THƠ
ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc TRẦN THANH ĐIỆN

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Biên tập TRẦN LÊ HẠNH NGUYÊN
Trình bày bìa ĐỖ VĂN THỌ
Biên tập kỹ thuật ĐẶNG THANH LIÊM
Đọc và sửa bản in NGUYỄN VĂN HÒA
NGUYỄN HỮU TRI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ

In 30 bản, khổ 17 x 25,5 cm, tại Doanh nghiệp tư nhân Như Cương.

Địa chỉ: Số 78, Đường 30/4, P. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.





Số xác nhận đăng ký xuất bản: 829-2026/CXBIPH/10-15/ĐHCT.

ISBN: 978-632-614-316-4.

Quyết định xuất bản số: 24/QĐ-NXBĐHCT, cấp ngày 23.3.2026.

In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2026.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ

 Khu II, Đại học Cần Thơ, Đường 3/2, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
 (0292) 3839 981 - 3655 009  ph.ctu.edu.vn  nxbdhct@ctu.edu.vn



ISBN: 978-632-614-316-4



(Xuất bản phẩm không bán)